

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Hà Nội, tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/09/2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

Danh mục các Công ty con tại thời điểm hợp nhất:

Công ty Con	Ngành nghề	% sở hữu theo ĐKKD	Quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Xây lắp	55%	55%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Xây lắp	40%	51%
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	Xây lắp	65%	65%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Dũng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc (thôi kiêm nhiệm từ ngày 01/01/2015 theo Nghị quyết 04NQ/2014/PH-HĐQT ngày 17/12/2014)
Ông Trần Huy Tường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2015 theo Nghị quyết 03NQ/2014/PH-HĐQT ngày 17/12/2014)
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất .

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất . Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 26/03/2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 3612/2014/BCKT-IFC vào ngày 29/03/2014 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trương Văn Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Trần Thị Hương Quỳnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		549.339.421.364	525.747.604.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.482.974.133	49.407.818.182
1. Tiền	111		20.732.974.133	48.657.818.182
2. Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	750.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000	150.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	150.000.000	150.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.696.344.506	221.291.170.513
1. Phải thu khách hàng	131		156.393.540.886	185.852.114.764
2. Trả trước cho người bán	132		13.177.008.286	17.135.971.639
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	17.501.358.847	22.897.414.103
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.375.563.513)	(4.594.329.993)
IV. Hàng tồn kho	140		312.604.889.167	226.993.535.364
1. Hàng tồn kho	141	5.4	312.604.889.167	226.993.535.364
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.405.213.558	27.905.080.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	1.944.478.340	2.021.899.843
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.6	5.545.362.326	1.198.052.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.6	108.499	108.138
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	26.915.264.393	24.685.020.005
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		136.314.070.558	141.675.165.660
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.051.457.446	32.446.409.850
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	29.631.457.446	32.026.409.850
<i>Nguyên giá</i>	222		65.908.663.831	65.461.556.543
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36.277.206.385)	(33.435.146.693)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	420.000.000	420.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		450.590.000	472.927.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(30.590.000)	(52.927.720)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		81.251.908.933	82.446.442.241
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	80.500.284.933	81.694.818.241
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	751.624.000	751.624.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.010.704.179	26.782.313.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	24.836.025.787	25.895.967.333
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		174.678.392	260.726.236
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	625.620.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		685.653.491.922	667.422.769.857

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		509.667.244.684	496.174.501.169
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		508.000.644.684	490.116.295.035
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	209.717.358.496	185.713.857.046
2. Phải trả người bán	312		136.007.413.723	111.877.881.360
3. Người mua trả tiền trước	313		72.077.459.476	75.357.184.360
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	10.152.880.033	22.525.702.492
5. Phải trả người lao động	315		13.081.338.927	18.601.254.872
6. Chi phí phải trả	316	5.15	9.619.723.154	4.468.379.229
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	55.802.055.012	69.145.273.358
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		500.000.000	550.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.042.415.863	1.876.762.318
II. Nợ dài hạn	330		1.666.600.000	6.058.206.134
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	1.666.600.000	6.058.206.134
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.568.292.606	158.236.047.184
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		162.568.292.606	158.236.047.184
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18	109.999.770.000	109.999.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.18	36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.18	2.063.367.327	2.063.367.327
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.18	(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.18	3.099.774.244	3.001.144.590
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.18	2.400.021.081	2.013.090.855
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.18	194.650.217	148.718.674
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.18	9.256.679.107	5.455.925.108
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.19	13.417.954.632	13.012.221.504
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400 + 439)	450		685.653.491.922	667.422.769.857

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		5.636.733.892	5.636.733.892

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	528.598.461.905	571.003.364.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	7.747.273	4.056.871.454
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	528.590.714.632	566.946.493.538
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	482.847.435.884	524.581.917.745
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		45.743.278.748	42.364.575.793
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	1.024.635.505	3.369.806.027
7. Chi phí tài chính	22	5.22	13.451.473.904	21.415.356.827
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.095.689.054	19.944.377.907
8. Chi phí bán hàng	24		45.373.603	128.857.998
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.976.247.214	21.029.028.078
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.294.819.532	3.161.138.917
11. Thu nhập khác	31	5.23	2.562.538.577	3.393.982.649
12. Chi phí khác	32	5.23	1.793.489.428	3.137.604.148
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		769.049.149	256.378.501
14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	45	5.24	(1.194.533.310)	6.112.123.972
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		7.869.335.371	9.529.641.390
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.25	2.181.506.018	720.077.016
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		54.760.697	47.939.394
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.633.068.656	8.761.624.980
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		1.289.153.626	941.756.244
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (62 = 60-61)	62		4.343.915.030	7.819.868.736
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	399	718

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	642.903.661.039	676.287.131.442
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(548.757.572.245)	(590.983.328.257)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(98.030.250.527)	(52.190.274.603)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(18.339.949.971)	(19.955.027.010)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6.553.419.563)	(1.425.812.381)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.893.347.952	31.432.790.331
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.762.201.153)	(25.916.715.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(32.646.384.468)	17.248.764.224
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.531.344.545)	(532.403.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	716.000.000	1.276.475.458
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	10.812.555.562	10.551.520.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	702.304.311	3.999.024.303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.300.484.672)	15.294.616.125
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	446.251.868.197	419.051.682.225
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(426.639.972.881)	(420.727.203.341)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.589.870.225)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.022.025.091	(1.675.521.116)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(27.924.844.049)	30.867.859.233
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	49.407.818.182	18.539.958.949
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	21.482.974.133	49.407.818.182

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HUNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/09/2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Vốn điều lệ của Công ty là 109.999.700.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn của Công ty:

Các Cổ đông lớn	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)
Ông Nguyễn Quang Vinh	2.310.000	23.100.000.000
Ông Cao Tùng Lâm	1.178.929	11.789.290.000
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân năm 2014: 142 người (tại ngày 31/12/2013 là 143 người).

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long
Địa chỉ: Tháp B, phòng 1912, CT2, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings
Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Me Kong Tower, số 235-241 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty CP XD Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Miền Nam
Địa chỉ: Số 680 đường Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng tàu.

Các Công ty con của Công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng

Công ty liên doanh:

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp là 0101311315 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/09/2011, hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
- Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp);
- Thiết kế Công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống, điều hòa không khí, điện lạnh;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Trong năm 2014: Công ty chủ yếu thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, cung cấp vật liệu và phát triển dự án.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các Công ty con trong cùng tổ hợp được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của Công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) Công ty con.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn, giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm, không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ, dụng cụ loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua căn hộ chung cư tại CT2 Trung Văn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là “liên doanh”) được phân bổ vào khoản mục “hàng hóa bất động sản” (giá mua các sản phẩm của dự án từ liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà liên doanh đã bán cho Công ty.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp các công trình dân dụng và Công nghiệp, hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	535.345.187	532.504.045
Tiền gửi Ngân hàng	20.197.628.946	48.125.314.137
Các khoản tương đương tiền	750.000.000	750.000.000
Tổng	21.482.974.133	49.407.818.182

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	150.000.000	150.000.000
Tổng	150.000.000	150.000.000

5.3 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (*)	6.065.017.600	6.065.017.600
Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (**)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (**)	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu các cá nhân	6.586.788.827	11.830.444.300
Phải thu khác	349.552.420	501.952.203
Tổng	17.501.358.847	22.897.414.103

(*) Lợi nhuận được chia theo thông báo của Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic.

(**) Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDHTDT và hợp đồng số 103/HDHTDT về việc đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.712.409.774	3.823.579.969
Công cụ, dụng cụ	234.155.454	98.295.553
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	291.929.983.174	210.951.492.246
Hàng hóa	7.185.241.329	11.625.819.620
Hàng gửi đi bán	543.099.436	494.347.976
Tổng	312.604.889.167	226.993.535.364

5.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê kho chờ phân bổ	-	309.685.038
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.944.478.340	419.870.700
Chi phí khác	-	1.292.344.105
Tổng	1.944.478.340	2.021.899.843

5.6 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	5.545.362.326	1.198.052.152
Thuế khác	108.499	108.138
Tổng	5.545.470.825	1.198.160.290

5.7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng (*)	26.829.864.393	24.685.020.005
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	85.400.000	-
Tổng	26.915.264.393	24.685.020.005

(*) Là các khoản tạm ứng cho các Đội nhận khoán của Công ty để mua vật tư và chi trả chi phí nhân công.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2014	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 01/01	532.390.727	46.995.771.610	13.628.809.808	3.623.716.865	680.867.533	65.461.556.543
Tăng trong năm	-	476.304.545	3.094.656.363	205.525.000	-	3.776.485.908
Mua trong năm	-	476.304.545	3.094.656.363	205.525.000	-	3.776.485.908
Giảm trong năm	-	2.520.066.024	683.337.273	115.802.596	10.172.727	3.329.378.620
Thanh lý, nhượng bán	-	2.086.367.474	683.337.273	-	-	2.769.704.747
Phân loại lại	-	433.698.550	-	115.802.596	10.172.727	559.673.873
Tại ngày 31/12	532.390.727	44.952.010.131	16.040.128.898	3.713.439.269	670.694.806	65.908.663.831
<i>Hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01/01	104.618.215	21.370.259.559	10.633.024.967	968.548.319	358.695.633	33.435.146.693
Tăng trong năm	21.295.628	2.962.206.723	2.245.452.788	444.019.543	47.000.000	5.719.974.682
Trích khấu hao	21.295.628	2.962.206.723	2.245.452.788	444.019.543	47.000.000	5.719.974.682
Giảm trong năm	-	2.430.634.981	339.673.377	78.902.599	28.704.033	2.877.914.990
Thanh lý, nhượng bán	-	2.310.148.782	-	78.902.599	10.172.719	2.399.224.100
Giảm khác	-	120.486.199	339.673.377	-	18.531.314	478.690.890
Tại ngày 31/12	125.913.843	21.901.831.301	12.538.804.378	1.333.665.263	376.991.600	36.277.206.385
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01	427.772.512	25.625.512.051	2.995.784.841	2.655.168.546	322.171.900	32.026.409.850
Tại ngày 31/12	406.476.884	23.050.178.829	3.501.324.521	2.379.774.006	293.703.206	29.631.457.446

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2014 là: 5.206.021.985 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại 31/12/2014 lần lượt là: 35.714.234.906 đồng và 20.138.184.916 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2014	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
<i>Nguyên giá</i>			
Tại ngày 01/01	420.000.000	52.927.720	472.927.720
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	22.337.720	22.337.720
Phân loại lại	-	22.337.720	22.337.720
Tại ngày 31/12	420.000.000	30.590.000	450.590.000
<i>Hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01/01	-	52.927.720	52.927.720
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	22.337.720	22.337.720
Phân loại lại	-	22.337.720	22.337.720
Tại ngày 31/12	-	30.590.000	30.590.000
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01	420.000.000	-	420.000.000
Tại ngày 31/12	420.000.000	-	420.000.000

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic	41.129.844.097	40.088.824.567
Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	35.695.110.250	37.796.483.770
Công ty CP Bất động sản Nghệ An	3.675.330.586	3.809.509.904
Tổng	80.500.284.933	81.694.818.241

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, liên doanh Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung đầu tư	Giá gốc của khoản đầu tư	Lũy kế các khoản điều chỉnh đến đầu năm nay	Các khoản điều chỉnh trong năm	Tại ngày 31/12/2014
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển Nhà Viettel - Hancic	30.736.160.000	9.352.664.568	1.041.019.529	41.129.844.097
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	42.000.000.000	(4.203.516.229)	(2.101.373.521)	35.695.110.250
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	4.000.000.000	(190.490.096)	(134.179.318)	3.675.330.586
Tổng	76.736.160.000	4.958.658.243	(1.194.533.310)	80.500.284.933

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Theo Nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04/01/2009, Công ty mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic), trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 05/11/2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển Nhà Viettel-Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền 30.736.160.000 đồng vào khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh", phần còn lại ghi nhận vào khoản mục "chi phí trả trước dài hạn".

5.11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Mua Cổ phần của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.898	51.624.000	2.898	51.624.000
Tổng	72.898	751.624.000	72.898	751.624.000

5.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí Công cụ dụng cụ	5.711.219.844	8.835.659.026
Chi phí thuê Văn phòng HH2 (*)	2.765.882.044	2.834.410.816
Chi phí thuê sàn thương mại CT2 (**)	1.947.272.728	-
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh (***)	14.225.897.491	14.225.897.491
Tiền thuế đất	185.753.680	-
Tổng	24.836.025.787	25.895.967.333

(*) Công ty thuê 523 m2 văn phòng tại tầng 3 - Toà nhà HH2 - Phường Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội trong vòng 50 năm.

(**) Công ty thuê mặt bằng sàn tầng 5 Tòa nhà The Light theo HĐ thuê mặt bằng số 02/HĐKT/CT2/2014.

(***) Chi phí để có được quyền được mua sản phẩm của Dự án của Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.13 VAY NGẮN HẠN VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	174.999.519.611	134.998.060.177
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn (2)	23.275.474.403	35.707.238.098
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	3.499.010.273	-
Ngân hàng TMCP Bắc Á (3)	-	4.000.000.000
Các cá nhân khác (4)	5.943.354.209	11.008.558.771
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	-
Tổng	209.717.358.496	185.713.857.046

Thuyết minh các hợp đồng tín dụng ngắn hạn chủ yếu:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/36032/HĐTD ký ngày 02/07/2014 hạn mức vay là 159 tỷ và hạn mức bảo lãnh là 360 tỷ, hợp đồng tín dụng số 01/2014/2530767/HĐTD ký ngày 28/05/2014 với hạn mức vay là 27 tỷ, hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất áp dụng theo từng HĐTD ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố bằng TS của bên vay hoặc bên thứ 3 theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa bên vay/bên thứ 3 với Ngân hàng. Giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay; Toàn bộ số dư TK tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.
- (2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/1771363/HĐTD ký ngày 20/06/2014 với hạn mức vay là 45 tỷ, thời hạn rút vốn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay trong từng hợp đồng tín dụng thông thường từ 05 đến 09 tháng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 026665/2013/HĐTD-BacABank ký ngày 15/3/2013 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Bắc Á, số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công xây dựng Dự án trang trại Bò sữa Nghệ An do Công ty CP Thực phẩm bổ sung sữa TH làm chủ đầu tư, thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: 22,08%/năm và điều chỉnh theo mức lãi suất NH quy định trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
- (4) Các khoản vay khác theo từng hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết với các pháp nhân và cá nhân khác, hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất từng hợp đồng dao động từ 10%/năm đến 12%/năm hoặc biến động theo dự thỏa thuận giữa 2 bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.315.081.232	14.758.904.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.336.461.311	6.708.374.857
Thuế thu nhập cá nhân	350.297.018	914.810.483
Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	151.040.472	143.612.559
Tổng	10.152.880.033	22.525.702.492

5.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	9.381.520.996	3.860.822.645
Trích trước chi phí lãi vay	21.534.345	704.789
Trích trước chi phí phạt chậm nộp thuế	216.667.813	606.851.795
Tổng	9.619.723.154	4.468.379.229

5.16 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	856.671.921	806.782.113
Bảo hiểm xã hội	1.479.481.116	748.328.048
Bảo hiểm y tế	39.451.969	100.095.561
Bảo hiểm thất nghiệp	17.441.392	44.817.690
Phải trả cổ tức	33.113.675	7.622.983.900
Phải trả, phải nộp khác	53.375.894.939	59.822.266.046
+ <i>Tạm ứng các Đội xây dựng công trình</i>	43.236.180.007	44.457.205.154
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	10.139.714.932	15.365.060.892
Tổng	55.802.055.012	69.145.273.358

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	-	668.421.234
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Bim Sơn (1)	1.162.800.000	5.012.800.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Đông Đô	503.800.000	376.984.900
Nợ dài hạn	-	-
Tổng	1.666.600.000	6.058.206.134

- (1) Hợp đồng tín dụng số 49/12/HĐ ngày 20 tháng 09 năm 2012 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn, số tiền vay 7.600.000.000 đồng, Công ty sử dụng tiền vay để thanh toán tiền thiết bị thi công. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất trong hạn là 15%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để đầu tư dự án cho khoản vay trên.

Lịch trả nợ vay dài hạn cụ thể như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.666.600.000	2.895.406.134
Trong năm thứ 2	-	2.000.000.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	-	1.162.800.000
Tổng	1.666.600.000	6.058.206.134

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Chi tiết chủ sở hữu của Công ty:**

Các Cổ đông lớn	Số Cổ phần và tỷ lệ sở hữu vốn			Vốn thực góp tại
	Số cổ phần	(VND)	(%)	31/12/2014
				(VND)
Ông Nguyễn Quang Vinh	2.310.000	23.100.000.000	21,00%	23.100.000.000
Ông Cao Tùng Lâm	1.178.989	11.789.890.000	10,72%	11.789.890.000
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000	5,45%	6.000.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000	4,56%	5.019.000.000
Các Cổ đông khác	6.409.088	64.090.880.000	58,26%	64.090.880.000
Tổng	10.999.977	109.999.770.000	100%	109.999.770.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	109.999.770.000	109.999.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	109.999.770.000	109.999.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	7.168.313.635	-

(*) *Phân cổ tức năm 2011 được chi trả trong năm 2014.*

Các quỹ của Công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.099.774.244	3.001.144.590
Quỹ dự phòng tài chính	2.400.021.081	2.013.090.855
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	194.650.217	148.718.674
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.042.415.863	1.876.762.318

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động nguồn vốn và các quỹ

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận trước thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2013	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	2.951.120.915	7.276.835.104	123.976.481	(1.283.983.195)	156.685.117.262
Tăng trong năm	-	-	-	-	50.023.675	437.759.878	24.742.193	7.819.868.736	8.332.394.482
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	7.819.868.736	7.819.868.736
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	217.419.612	-	-	217.419.612
Hợp nhất Công ty	-	-	-	-	50.023.675	220.340.266	24.742.193	-	295.106.134
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	5.701.504.127	-	1.079.960.433	6.781.464.560
Xóa nợ phải thu	-	-	-	-	-	5.415.621.787	-	-	5.415.621.787
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	217.419.612	217.419.612
Giảm khác	-	-	-	-	-	285.882.340	-	862.540.821	1.148.423.161
Tại ngày 31/12/2013	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	3.001.144.590	2.013.090.855	148.718.674	5.455.925.108	158.236.047.184
Tại ngày 01/01/2014	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	3.001.144.590	2.013.090.855	148.718.674	5.455.925.108	158.236.047.184
Tăng trong năm	-	-	-	-	98.629.654	386.930.226	45.931.543	4.343.915.030	4.875.406.453
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	4.343.915.030	4.343.915.030
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	98.629.654	386.930.226	45.931.543	-	531.491.423
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	543.161.031	543.161.031
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-	154.668.276	154.668.276
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	388.492.755	388.492.755
Tại ngày 31/12/2014	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	3.099.774.244	2.400.021.081	194.650.217	9.256.679.107	162.568.292.606

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.999.977
Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	10.939.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	110.000	110.000
Cổ phiếu phổ thông	110.000	110.000
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	10.889.977
Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	10.829.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu từ năm 2003.

5.19 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2014
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.750.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	225.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.018.375.454
Quỹ dự phòng tài chính	1.300.749.764
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	121.678.915
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.289.153.625
Cổ tức phải trả	712.996.874
Tổng	13.417.954.632

5.20 DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	465.472.254.554	489.393.393.351
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.857.883.199	31.511.343.798
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà	4.551.718.768	38.749.409.558
Doanh thu cung cấp bê tông	27.598.423.566	10.991.491.012
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	118.181.818	357.727.273
Tổng	528.598.461.905	571.003.364.992
Các khoản giảm trừ	7.747.273	4.056.871.454
<i>Giảm giá hàng bán</i>	7.747.273	4.056.871.454
Doanh thu thuần	528.590.714.632	566.946.493.538

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	422.928.377.456	445.616.319.377
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	28.183.957.493	29.675.821.792
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà	4.501.265.027	34.694.224.914
Giá vốn cung cấp bê tông	27.213.056.688	14.204.113.464
Giá vốn từ hoạt động kinh doanh khác	20.779.220	391.438.198
Tổng	482.847.435.884	524.581.917.745

5.22 DOANH THU / CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.022.132.489	341.219.010
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.998.995
Cổ tức lợi nhuận được chia	2.503.016	1.844.474.939
Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP ĐT và Dịch vụ Kỹ thuật Việt Hưng	-	1.181.113.083
Tổng	1.024.635.505	3.369.806.027
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	13.095.689.054	19.944.377.907
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.774.317
Chi phí tài chính khác	355.784.850	1.469.204.603
Tổng	13.451.473.904	21.415.356.827
Lãi / lỗ từ hoạt động tài chính	(12.426.838.399)	(18.045.550.800)

5.23 THU NHẬP KHÁC/ CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014
	VND
Thu nhập khác	
Thanh lý tài sản cố định	610.000.000
Thu từ cho thuê thiết bị	79.547.200
Các khoản khác	1.872.991.377
Tổng	2.562.538.577
Chi phí khác	
Chi phí thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	587.048
Các chi phí khác	1.792.902.380
Tổng	1.793.489.428
Lãi / lỗ từ hoạt động khác	769.049.149

5.24 Phần lãi/lỗ trong Công ty liên kết

Lợi ích của Công ty mẹ trong năm được xác định trên phần lợi nhuận sau thuế của các Công ty liên kết trong năm 2014 là (1.194.533.310) đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.25 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	
	VND	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.869.335.371	
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>2.290.448.475</i>	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(276.183.200)</i>	
Thu nhập chịu thuế	9.883.600.646	
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường	9.883.600.646	
Trong đó: Lợi nhuận tính thuế	9.883.600.646	
Chi phí thuế TNDN phải nộp	2.174.392.142	
<i>Thuế suất áp dụng</i>	<i>22%</i>	
Truy thu thuế TNDN năm trước	7.113.876	
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.181.506.018	
<i>Chi tiết số thuế TNDN tại các Công ty:</i>	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings	1.323.139.521	-
Công ty CPĐT Xây dựng Phục Hưng số 3	347.378.126	348.459.824
Công ty CPĐT Xây dựng Phục Hưng số 7	477.140.574	324.504.743
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	33.847.797	47.112.449
Tổng	2.181.506.018	720.077.016

5.26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.343.915.030	7.819.868.736
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.343.915.030	7.819.868.736
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.889.977	10.889.977
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	399	718

5.27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.951.993.750	138.276.861.710
Chi phí nhân công	114.863.599.622	158.251.597.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.039.256.570	7.592.556.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	484.574.051.509	483.714.219.452
Chi phí khác	14.673.499.857	26.606.960.759
Tổng	742.102.401.308	814.442.195.827

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
	Tiền thù lao	200.500.000	193.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Tổng thu nhập	1.116.046.059	983.609.503
		31/12/2014	01/01/2014
Số dư với các bên liên quan		VND	VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Phát triển Nhà Viettel - Hancic		9.292.934.387	21.434.934.387

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng và Công nghiệp, các loại hình khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, do đó báo cáo bộ phận không tách nhỏ thành các hoạt động, số liệu chi tiết cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN		
Tài sản cố định	29.631.457.446	29.631.457.446
Các khoản phải thu	180.696.344.506	180.696.344.506
Hàng tồn kho	312.604.889.167	312.604.889.167
Tài sản không phân bổ	-	162.720.800.803
Tổng tài sản	522.932.691.119	685.653.491.922
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản phải trả	296.740.870.325	296.740.870.325
Phải trả tiền vay	211.383.958.496	211.383.958.496
Nợ phải trả không phân bổ	1.542.415.863	1.542.415.863
Tổng nợ phải trả	509.667.244.684	509.667.244.684

Báo cáo Kết quả bộ phận năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
DOANH THU		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	528.598.461.905	528.598.461.905
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác		
Tổng doanh thu	528.598.461.905	528.598.461.905
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	45.743.278.748	45.743.278.748
Chi phí tài chính phân bổ	13.451.473.904	13.451.473.904
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.100.286.222	7.100.286.222
Chi phí tài chính (không phân bổ)		-
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	769.049.149	769.049.149
Lợi nhuận kế toán trước thuế		7.869.335.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả CP thuế TNDN hoãn lại)		2.236.266.715
Lợi nhuận trong năm		5.633.068.656

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.482.974.133	49.407.818.182
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.519.336.220	204.155.198.874
Đầu tư ngắn hạn	150.000.000	150.000.000
Đầu tư dài hạn	751.624.000	751.624.000
Tổng	189.903.934.353	254.464.641.056
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	211.383.958.496	191.772.063.180
Phải trả người bán và phải trả khác	191.809.468.735	181.023.154.718
Chi phí phải trả	9.619.723.154	4.468.379.229
Tổng	412.813.150.385	377.263.597.127

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về cả giá hàng hóa.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp chủ yếu là trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực quản lý xây dựng và sản xuất phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các vốn của Chủ sở hữu nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2014	VND	VND	VND
Các khoản vay	209.717.358.496	1.666.600.000	211.383.958.496
Phải trả người bán và phải trả khác	191.809.468.735	-	191.809.468.735
Chi phí phải trả	9.619.723.154	-	9.619.723.154
01/01/2014	VND	VND	VND
Các khoản vay	185.713.857.046	6.058.206.134	191.772.063.180
Phải trả người bán và phải trả khác	181.023.154.718	-	181.023.154.718
Chi phí phải trả	4.468.379.229	-	4.468.379.229

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2014	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.482.974.133	-	21.482.974.133
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.519.336.220	-	167.519.336.220
Đầu tư ngắn hạn	150.000.000	-	150.000.000
Đầu tư dài hạn	-	751.624.000	751.624.000
01/01/2014	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.407.818.182	-	49.407.818.182
Phải thu khách hàng và phải thu khác	204.155.198.874	-	204.155.198.874
Đầu tư ngắn hạn	150.000.000	-	150.000.000
Đầu tư dài hạn	-	751.624.000	751.624.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường